

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53 /2020/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 70/2020/TLST-HNGĐ ngày 29/4/2020 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Thu H, sinh năm 1988

- **Bị đơn:** Anh Trần Xuân Q, sinh năm 1986.

Đều trú tại: Số nhà 14, ngõ 338, phố P phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Thu H và anh Trần Xuân Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

a. Về con chung: Chị Đỗ Thị Thu H và anh Trần Xuân Q đều xác định vợ chồng có một con chung là cháu Trần Thảo V, sinh ngày 13/4/2014. Khi ly hôn, giao cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V đến khi trưởng thành. Về phần cấp

dưỡng nuôi con, chị H và anh Q thống nhất tự giải quyết. Anh Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi nuôi con.

b. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị H và anh Q đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải Q.

c. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Đỗ Thị Thu H tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh Trần Xuân Q không phải nộp tiền án phí. Số tiền chị H phải nộp là 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0001474 ngày 23/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình. Chị H được hoàn trả lại 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*).

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND TP. Ninh Bình (3).
- CCTHADS TP. Ninh Bình (1).
- UBND phường , xã
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Bích Thủy